TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/DS-PT
Ngày 22-9-2021
V/v trA1h chấp thừa kế tài sản

NHÂN DA1H
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Thúy

Các Thẩm phán: Ông Lương Ngọc Dũng;

Ông Lê A1h S.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Hấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2021/TLPT-DS ngày 16 tháng 6 năm 2021 về việc trA1h chấp thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận KA, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 338/2021/QĐXXPT-DS ngày 13 tháng 8 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng số 377/2021/QĐ-PT ngày 14 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đinh Văn S; nơi cư trú: Số 02B/119 đường NLB, phường VĐ, quận KA, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đinh Văn T; nơi cư trú: Số 86 đường LU, tổ QT3, phường PL, quận KA, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA1:*

1. A1h Vũ Trường G; nơi cư trú: Số 5/47 đường LL, phường MC, Quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt;

2. Bà Đinh Thị X; nơi cư trú: Số 22/82 đường LL, phường LV, Quận NQ, thành phố Hải Phòng; có mặt;

3. Bà Đinh Thị A1; nơi cư trú: Số 68 đường HQV, phường Bắc S, quận KA, thành phố Hải Phòng; có mặt;

Người đại diện hợp pháp của các bà Đinh Thị X, Đinh Thị A1 và A1h Vũ Trường G: Ông Đinh Văn S; nơi cư trú: Số 02B/119 đường NLB, phường VĐ, quận KA, thành phố Hải Phòng – Là người đại diện theo ủy quyền; có mặt;

4. Bà Đào Thị H1 (vợ ông T); nơi cư trú: Số 86 LU, tổ QT3, phường PL, quận KA, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt;

5. Bà Vũ Thị Minh H2, (vợ ông S); nơi cư trú: Số 02B/119 Đường NLB, phường VĐ, quận KA, thành phố Hải Phòng; có mặt;

6. Ông Nguyễn Hữu D, A1h Nguyễn Quyết T1, A1h Nguyễn Tuấn Đ1 và chị Nguyễn Thị Minh T3; cùng trú tại: Số 02 ngách 26 ngõ 119 Đường TT, phường CĐ, Quận NQ, thành phố Hải Phòng; ông D, A1h Đ1, chị T3 vắng mặt, A1h T1 có mặt ngày 14/9/2021 và đề nghị vắng mặt ngày 22/9/2021;

7. Chị Nguyễn Thị B; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 10/111 Đường LKT, Phường LKT, Quận NQ, thành phố Hải Phòng; hiện đA1g lao động tại Đài LoA1 không rõ địa chỉ; vắng mặt;

8. Ông Nguyễn Bá T2; nơi cư trú: Nhà số 3/204 Đường Phạm Tử Nghi, phường Vĩnh Niệm, Quận LC, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

9. Ông Nguyễn Đình C; nơi cư trú: Nhà số 149A Đường NĐC, phường CD, Quận LC, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

10. Bà Nguyễn Thị Đức; nơi cư trú: Nhà số 209 Đường Vũ Chí T1, phường NX, Quận LC, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

11. Ông Nguyễn Đình H; nơi cư trú: Nhà số 67 Đường F, Phường E, Quận LC, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

12. Ông Nguyễn Đình H5; nơi cư trú: Nhà số 149B Đường NĐC, phường CD, Quận LC, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Đinh Văn T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:*

Cụ Đinh Văn T8 (chết năm 1983) và cụ Phạm Thị B8 (chết năm 2004) có 05 người con gồm các ông, bà: Đinh Văn S; Đinh Thị Hà (chết năm 2011), có cH2 là ông Vũ Minh T (chết năm 2002), có một người con là A1h Vũ Trường G; bà Đinh Thị X; bà Đinh Thị A1 và ông Đinh Văn T; ngoài ra, các cụ không còn bố, mẹ và người con riêng, con nuôi nào khác.

Khi hai cụ chết, đều không có di chúc, để lại khối di sản là thửa đất hiện nay vợ cH2 ông Đinh Văn T đA1g quản lý sử dụng tại số 86 đường LU, tổ QT3, phường PL, quận KA, thành phố Hải Phòng thuộc thửa số 165 tờ bản đồ số 300591-7-2 (Bản đồ địa C đo vẽ năm 1999). Do A1h chị em không thống nhất được việc chia thừa kế nên ông Đinh Văn S khởi kiện yêu cầu chia di sản của cụ Đinh Văn T8 và cụ Phạm Thị B8 theo quy định của pháp luật.

- *Theo nguyên đơn trình bày:* Thửa đất là di sản của cụ Thành và cụ B8 để lại có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp đứng tên ông Đinh Văn S, diện tích đất 1.032m^2 đất; trong đó: Có khoảng 240m^2 đất ở của bố, mẹ cụ T8 (là cụ cố Đinh Văn Ry (tên thường gọi là Đinh Văn Duy, chết năm 1966) và cụ cố Vũ Thị Thẩm, (chết năm 1978) để lại cho cụ T8 quản lý sử dụng; năm 1983, cụ T8 chết, đến năm 1992 thì cụ B8 và vợ cH2 ông S, bà H2 nhận chuyển nhượng thêm 144m^2 đất của ông Nguyễn Bá Biên và nhập vào khối tài sản của gia đình và diện tích đất củ cụ T8, cụ B8. Nhưng trong quá trình sử dụng hiện trạng diện tích đất thực tế là 1.174,83m^2, bao quA1h thửa đất có tường xây và không có trA1h chấp với các hộ liền kề. Trên đất có nhà thờ và nhà ở 4 giA1 (tường xây, lợp ngói), bể nước, công trình phụ. Ngoài ra, bố, mẹ ông còn có diện tích đất nông nghiệp 288m^2 tại ngõ 92 đường LU, 168m^2 tại ngõ 88 đường LU (khu xóm Bắc) và 48m^2 tại khu Cửa Đá.

Cụ T8 chết ngày 15/11/1983, toàn bộ nhà đất nêu trên do cụ B8 và các con quản lý, sử dụng. Ông Đinh Văn S đã được cụ B8 đồng ý cho đứng tên một phần đất và được UBND thị xã KA cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 643/CNSH ngày 16/12/1992 diện tích 1032m^2. Năm 2001, cụ B8 và các con đã thống nhất viết giấy chia đất cho các con phần đất phía ngoài giáp đường liên xã (nay là đường LU), chiều sâu khu đất tính từ mặt đường LU vào là 22m; phần đất phía trong có nhà thờ và nhà ở để làm khu chung, không chia, (Giấy viết tay chia đất năm 2001 do ông T giữ). Theo đó, ông Đinh Văn T được 10m mặt đường, ông Đinh Văn S được 10m mặt đường LU, bà Đinh Thị A1, bà Đinh Thị X, bà Đinh Thị Hà mỗi người được 4m mặt đường LU, còn lại 6,5m mặt đường LU cụ B8 sử dụng.

Ngày 06/11/2004, cụ Phạm Thị B8 chết không để lại di chúc; toàn bộ nhà, đất do ông T tiếp tục quản lý, sử dụng. Năm 2006, ông T đã xây 07 giA1 nhà trọ để cho thuê; năm 2018, ông T xây nhà 3 tầng kiên cố trên diện tích 220m^2. Các A1h, chị, em không đồng ý với việc làm của ông T, đã nhiều lần thương lượng nhưng không thống nhất được, ông S đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật, để lại diện tích đất có nhà thờ để sử dụng chung là 265,9m^2 không yêu cầu giải quyết.

Ngày 05/8/2020, ông Đinh Văn S đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các diện tích đất nông nghiệp là 288m^2 tại ngõ 92 đường LU, 168m^2 tại ngõ 88 đường LU (khu xóm Bắc) và 48m^2 tại khu Cửa Đá mà chỉ yêu cầu chia đất thổ cư, trừ diện tích đất đã xây nhà thờ và nhà ở chung diện tích 265,9m^2, còn lại 908,93m^2 đề nghị chia cho các thừa kế của cụ T8 và cụ B8.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông S thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án chia di sản của cụ cố Ry, cụ cố Thẩm do trong số diện tích 1.174,83m^2 đất có khoảng 240m^2 là của cố Ry và cố Thẩm để lại. Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định tạm ngừng phiên tòa, sau khi xem xét thẩm định, xác định nhà, đất trước đây của cụ cố Ry, cụ cố Thẩm có diện tích là 257m^2 nên đề nghị chia 257m^2 cho các thừa kế của cố Ry và cố Thẩm là cụ Đinh Văn T8 và cụ Đinh Thị Tính; do hai cụ T8 và cụ Tính đều đã chết nên các con của hai cụ được hưởng thay các cụ. Cụ Đinh Thị Tính chết năm 2005, cH2 của cụ Tính đã chết, các con của cụ Đinh Thị Tính là các ông

Nguyễn Bá T2, Nguyễn Đình C, Nguyễn Đình H ông Nguyễn Đình H5, bà Nguyễn Thị Đức và bà Nguyễn Thị Phẩm, chết ngày 07/3/2010. Bà Phẩm có cH2 là ông Nguyễn Hữu D và 04 con là Nguyễn Quyết T1, Nguyễn Thị B, Nguyễn Tuấn Đ1 và Nguyễn Thị Minh T3. Đề nghị chia 257m^2 cho các thừa kế của cụ Tính bằng ½ diện tích 257m^2. Còn lại diện tích đất 651,93m^2 là di sản của cụ T8 và cụ B8 đề nghị chia cho các con của cụ T8. Khi chia di sản đề nghị xem xét tính công sức quản lý di sản cho vợ cH2 ông T tương đương 01 kỷ phần thừa kế .

- Bị đơn là ông Đinh Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA1 bà Đào Thị H1 (vợ ông T) trình bày: Về quA1 hệ huyết thống, nguồn gốc và hiện trạng di sản thừa kế như nguyên đơn trình bày là đúng. Thửa đất thổ cư trên đất có nhà thờ, nhà ở nằm trên khuôn viên riêng và nhà ở của gia đình ông, vườn và nhà trọ khi mẹ ông còn sống đã chuyển nhượng cho ông đứng tên, ông đã nộp thuế từ đó đến nay nhưng ông không có giấy tờ gì về việc chuyển nhượng này. Trong thời giA1 quản lý, sử dụng tài sản của bố mẹ để lại, ông đã tạo dựng thêm các tài sản như sau: 01 ngôi nhà cấp 4, công trình phụ, nhà kho, bếp; 01 nhà 02 tầng 140m^2, sân, bếp, cổng, dãy nhà trọ gồm 7 phòng công trình phụ khép kín, 02 bể bioga thể tích 20m^3, kè bờ ao, tôn tạo vườn cho cao bằng đường 70cm, hệ thống thoát nước, toàn bộ cây trong vườn khó có thể định giá bằng tiền vì nó là kỷ niệm gắn bó nhiều năm.

Đối với việc cụ B8 bảo ông viết Giấy chia đất cho các con nội dung như nguyên đơn trình bày nhưng vì mục đích viết giấy chia đất là làm giả, để đất của ai người đó giữ không để ông S thế chấp vay Ngân hàng nữa cho nên ông cho rằng giấy chia đất không có giá trị. Mặt khác, từ đó đến nay, ông không biết giấy chia đất đó ở đâu-nên không cung cấp được cho Tòa án.

Nay ông S yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T8 và cụ B8, ông T đề nghị chia cho ông S 10m ngA1g giáp mặt đường LU; bà X, bà A1 và A1h G được 8m giáp mặt đường LU, còn lại giao cho ông T. Nếu không đồng ý, ông T đề nghị chia theo pháp luật, phần đất có nhà thờ và nhà ở chung để lại không chia, ai hưởng phần đất phải bồi thường tất cả tài sản, công trình xây dựng, cây trồng trên đất mà ông đã tạo dựng nên. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T đề nghị Tòa án chia cho ông S, bà A1, bà X và A1h G mỗi người được 04m mặt đường LU, còn lại là của ông được hưởng.

Ông S rút một phần yêu cầu khởi kiện, ông không có ý kiến gì. Về nguồn gốc khối di sản trong đó có diện tích đất của ông bà nội ông là cố Ry và cố Thẩm nhưng không rõ C xác diện tích là bao nhiêu, chỉ biết vị trí nhà và sân vườn và liền kề với diện tích đất của cụ T8, cụ B8. Sau khi hai cố Ry và cố Thẩm chết thì toàn bộ diện tích đất đó cụ T8 và cụ B8 sinh sống, quản lý, sử dụng và sau khi cụ T8, cụ B8 chết thì ông quản lý, Tòa án tiến hành thẩm định, đo đạc xác định diện tích là 257m^2 và chia thừa kế của cố Ry, cố Thẩm, các A1h chị em ông phải thA1h toán tiền cho cH2, con của bà Phẩm, ông đồng ý.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA1 - các bà Đinh Thị X, Đinh Thị A1 và A1h Vũ Trường G (con trai bà Hà) trình bày: Thống nhất về quA1 hệ huyết thống và nguồn gốc, hiện trạng khối di sản thừa kế như nguyên đơn, bị đơn trình bày. Đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật, các thừa kế

được hưởng phần di sản bằng nhau. Đối với việc ông S rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các bà và A1h G đồng ý với ông S.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA1 - bà Vũ Thị Minh H2 trình bày:* Về diện tích đất mà vợ cH2 bà và cụ B8 nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Bá Biên đã nhập vào làm tài sản chung của gia đình tạo thành một khu đất chung và nay là di sản thừa kế, bà không có ý kiến gì. Nay ông S khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của bố mẹ ông S, bà không yêu cầu giải quyết công sức, đóng góp gì, đề nghị chia di sản thừa kế cho các thừa kế của hai cụ T8 và B8 theo quy định của pháp luật.

- *Các con của cụ Đinh Thị Tính là: Ông Nguyễn Bá T2, ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Đức, ông Nguyễn Đình H và ông Nguyễn Đình H5 thống nhất trình bày:* Diện tích đất thổ cư của ông, bà nội các thừa kế là cụ cố Đinh Văn Ry và Vũ Thị Thẩm không ai biết C xác diện tích, áng chừng khoảng 240m^2, đo đạc thực tế thì diện tích đất là 257m^2 nằm trong khuôn viên của thửa đất số 165 tờ bản đồ 300591-7-2 mà hiện nay ông T đA1g sử dụng. Cố Đinh Văn Ry và Vũ Thị Thẩm sinh được 02 người con là cụ Đinh Văn T8 và cụ Đinh Thị Tính, ngoài ra không còn người con nào khác. Cụ cố Đinh Văn Ry chết năm 1966, cụ cố Vũ Thị Thẩm chết năm 1978, diện tích đất nêu trên do cụ Đinh Văn T8 quản lý sử dụng và các con cụ T8 đã đăng ký quyền sử dụng đất. Cụ Tính chết năm 2005, đến nay các con của cụ Đinh Thị Tính là ông Nguyễn Bá T2, ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Đức, ông Nguyễn Đình H và ông Nguyễn Đình H5 đề nghị: Nếu các ông, bà được hưởng phần di sản thừa kế của mẹ các ông, bà là cụ Đinh Thị Tính thì các ông, bà từ chối không nhận di sản mà cho các con cụ Đinh Văn T8 hưởng để các con cụ T8 ai ở đó thì trông coi, hương khói nhà thờ và thờ cúng các cụ và xin vắng mặt, từ chối không tham gia tố tụng.

Ngoài ra, cụ Tính còn có một người con là bà Nguyễn Thị Phẩm, chết ngày 07/3/2010. Bà Phẩm có cH2 là ông Nguyễn Hữu D và 04 con là Nguyễn Quyết T1, Nguyễn Thị B, Nguyễn Tuấn Đ1 và Nguyễn Thị Minh T3 trình bày nếu Tòa án chia di sản thừa kế của cố Ry và cố Thẩm theo quy định, ông D và bốn con xin nhận phần thừa kế được hưởng.

Tài liệu xác minh tại UBND phường PL thể hiện thửa số 165 tờ bản đồ số 300591-7-2 (Bản đồ địa C đo vẽ năm 1999) tại số 86 đường LU, tổ QT3, phường PL, quận KA mA1g tên ông Đinh Văn T là người đăng ký kê khai diện tích đất 1.172m^2 đất thổ cư. Việc ông Đinh Văn S đã được Phòng Xây dựng thị xã KA cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số 643/CNSH ngày 16/12/1992 với diện tích 1.032m^2 nhưng trong trích đo hiện trạng là 707m^2, tại thửa 271 tờ bản đồ số 01 (Bản đồ địa C cũ, đo vẽ theo Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng C Phủ). Các đương sự đều xác nhận bố, mẹ các thừa kế chỉ có một diện tích đất thổ cư nói trên. Do đó, thửa 271 tờ bản đồ số 01 (Bản đồ địa C cũ) và thửa số 165 tờ bản đồ số 300591-7-2 (Bản đồ địa C đo vẽ năm 1999) tại số 86 đường LU, tổ QT3, phường PL, quận KA mA1g tên ông Đinh Văn T cùng là một diện tích đất. Do ông S không đăng ký kê khai tại phường PL nên UBND phường không nắm được. Ngoài ra, trong hồ sơ sổ sách địa C của UBND phường PL lưu trữ thì không có tài liệu nào

mA1g tên ông Đinh Văn S, cụ Đinh Văn T8 và cụ Phạm Thị B8, cụ cố Đinh Văn Ry và cụ cố Vũ Thị Thẩm ở thửa đất nêu trên.

Phòng Quản lý đô thị UBND quận KA cung cấp hồ sơ lưu giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng số 643/CNSH ngày 16/12/1992 với diện tích 1.032m^2 đứng tên ông Đinh Văn S do Phòng Xây dựng thị xã KA trước đây cấp; không rõ lý do có sự chênh lệch diện tích giữa trong trích đo thửa đất là 707m^2 tại thửa 271 tờ bản đồ số 01 (Bản đồ địa C cũ, đo vẽ theo Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng C Phủ) và hiện trạng tại thời điểm cấp giấy là1.032m^2 do không có tài liệu lưu giữ. Phòng Tài nguyên và Môi trường UBND quận KA cung cấp ý kiến và các tài liệu địa C quản lý tương tự như UBND phường PL đã cung cấp.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 07/4/2021, Tòa án nhân dân quận KA, thành phố Hải Phòng đã quyết định:*

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 609 đến Điều 623; Điều 642; các điều 649, 650, 651, 652 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy bA1 Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia thừa kế là diện tích đất nông nghiệp 288m^2 tại ngõ 92 đường LU, 168m^2 tại ngõ 88 đường LU (khu xóm Bắc) và 48m^2 tại khu Cửa Đá.

II. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chia di sản thừa kế:

1. Ông Đinh Văn T được chia thừa kế diện tích đất của 01 phần thừa kế, ông T, bà H1 được hưởng công sức quản lý di sản tương đương với 01 phần thừa kế là 02 phần (lô số 1) có chiều mặt đường H1 Đông Bắc là 12,20m từ điểm 5 đến điểm 6; H1 Đông Nam giáp ngõ đi chung là 24,40m từ điểm 6 đến điểm 7; H1 Tây Nam giáp đất nhà thờ dài 12,50m từ điểm 7 đến điểm 8; H1 Tây Bắc giáp đất bà A1 là 24,34m từ điểm 8 đến điểm 5; diện tích 301,00m^2, tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 300591-7-(2), tổ QT3, phường PL, quận KA, thành phố Hải Phòng.

2. Bà Đinh Thị A1 được chia 01 phần di sản là diện tích đất (lô số 3-1) giáp đất ông T; có chiều mặt đường H1 Đông Bắc là 6,50m từ điểm 4 đến điểm 5; H1 Đông Nam giáp đất ông T từ điểm 5 đến điểm 8 là 24,34m; H1 Tây Nam giáp đất nhà thờ dài 3,55m từ điểm 8 đến điểm 9 và giáp đất ông Đinh Văn Sỹ dài 2,95m từ điểm 9 đến điểm 10 cộng bằng 6,5m từ điểm 8 đến điểm 10; H1 Tây Bắc giáp đất bà X từ điểm 10 đến điểm 4 dài 24,31m; diện tích 158,00m^2, tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 300591-7-(2), tổ QT3, phường PL, quận KA, thành phố Hải Phòng.

3. Bà Định Thị X được chia 01 phần di sản là diện tích đất (lô số 3-2) giáp bà A1; có chiều mặt đường H1 Đông Bắc dài 6,50m, từ điểm 3 đến điểm 4, H1 Đông Nam giáp đất bà A1 dài 24,31m từ điểm 4 đến điểm 10; H1 Tây Nam giáp đất ông Đinh Văn Sỹ từ điểm 10 đến điểm 11 dài 3,05m, từ diểm 11 đến điểm 13

dài 3,45m, cộng bằng 6,50m từ điểm 10 đến điểm 13; H1 Tây Bắc giáp đất ông S dài 23,40m từ điểm 13 đến điểm 3, tổng cộng 155m^2, tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 300591-7-(2), tổ QT3, phường PL, quận KA, thành phố Hải Phòng.

4. Ông Đinh Văn S được chia 01 phần di sản là diện tích đất (lô số 3-3) giáp đất bà X; có chiều mặt đường H1 Đông Bắc dài 6,50m từ điểm 2 đến điểm 3; H1 Đông Nam giáp đất bà X dài 23,40m từ điểm 3 đến điểm 13, H1 Tây Nam giáp đất ông Sỹ dài 6,50m từ điểm 13 đến điểm 14, phía Tây Bắc giáp đất A1h G dài 23,24m từ điểm 14 đến điểm 2, diện tích 151,50m^2, tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 300591-7-(2), tổ QT3, phường PL, quận KA, thành phố Hải Phòng.

5. A1h Vũ Trường G được chia 01 phần di sản là diện tích đất (lô số 3-4) giáp đất ông S; có chiều mặt đường H1 Tây Bắc dài 6,80m từ điểm 1 đến điểm 2; H1 Đông Nam giáp đất ông S dài 23,24m từ điểm 2 đến điểm 14, H1 Tây Nam giáp đất ông Sỹ dài 4,00m từ điểm 14 đến điểm 15, H1 Tây Nam giáp đất ông Nguyễn Văn Hưởng dài 2,30m từ điểm 15 đến điểm 16, giáp ngõ bê tông dài 3,85m từ điểm 16 đến điểm 17, dài 17,45m từ điểm 17 đến điểm 1, diện tích 143,43m^2, tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 300591-7-(2), tổ QT3, phường PL, quận KA, thành phố Hải Phòng.

(Có sơ đồ kèm theo)

6. A1h Nguyễn Quyết T1, chị Nguyễn Thị B, A1h Nguyễn Tuấn Đ1 và chị Nguyễn Thị Minh T3 và ông Nguyễn Hữu D, mỗi người được chia số tiền là 29.960.000 đồng.

- Chị B đi lao động ở Đài LoA1, không rõ địa chỉ: Phần di sản của chị B là số tiền 29.960.000 đồng được giao cho ông Nguyễn Hữu D quản lý.

- Ông Đinh Văn S, bà Đinh Thị X, bà Đinh Thị A1, ông Đinh Văn T và A1h Vũ Trường G mỗi người phải nộp số tiền là 29.960.000 đồng, để chia cho A1h Nguyễn Quyết T1, chị Nguyễn Thị B, A1h Nguyễn Tuấn Đ1, chị Nguyễn Thị Minh T3 và ông Nguyễn Hữu D.

III. Về chia tài sản vật kiến trúc, cây trồng trên đất:

- Ông Đinh Văn T được hưởng giá trị phần tài sản vật kiến trúc, cây trồng trên đất số tiền là 1.166.680 đồng *(Một triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm tám mươi đồng)*.

- Ông Đinh Văn S, bà Đinh Thị X, bà Đinh Thị A1 và A1h Vũ Trường G được sở hữu các di sản vật kiến trúc, cây trồng trên đất, mỗi người phải nộp số tiền 291.670 đồng *(Hai trăm chin mươi mốt nghìn sáu trăm bảy mươi đồng)* để chia cho ông Đinh Văn T.

IV. Về bồi thường vật kiến trúc, cây trồng trên đất:

- Ông Đinh Văn T và bà Đào Thị H1 được bồi thường tài sản là vật kiến trúc, cây trồng trên đất số tiền là 248.736.000 đồng *(Hai trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm ba mươi sáu đồng)*.

- Ông Đinh Văn S, bà Đinh Thị X, bà Đinh Thị A1 và A1h Vũ Trường G được sở hữu tài sản, cây trồng trên đất mỗi người phải nộp số tiền là 62.184.000 đồng *(Sáu mươi hai triệu, một trăm tám mươi tư nghìn đồng)* để bồi thường cho ông Đinh Văn T và bà Đào Thị H1.

Các đương sự có quyền đến cơ quA1 nhà nước có thẩm quyền để làm các thủ tục đăng ký kê khai, C lý hồ sơ địa C và đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/4/2021, ông Đinh Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu xem xét định giá lại vì giá của tài sản do Hội đồng định giá là quá thấp so với thực tế xây dựng và tính tăng công sức quản lý, tôn tạo khối di sản cho vợ cH2 ông vì cấp sơ thẩm tính bằng 01 suất thừa kế là chưa hợp lý.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị đơn là ông Đinh Văn T thay đổi nội dung kháng cáo, chỉ đề nghị tăng công sức quản lý, tôn tạo khối di sản; diện tích đất phân chia cho ai được quyền sử dụng thì được hưởng tài sản, cây cối trên đất và không yêu cầu định giá lại giá trị các tài sản trên đất; giá trị tài sản trên đất yêu cầu tính bằng hiện vật để giao cho ông để không phải thA1h toán chênh lệch bằng tiền. Đồng ý giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về việc thA1h toán tiền cho các thừa kế của cụ Đinh Thị Tính là cH2 và con của bà Nguyễn Thị Phẩm gồm ông Nguyễn Hữu D và các A1h chị Nguyễn Quyết T1, Nguyễn Thị B, Nguyễn Tuấn Đ1 và Nguyễn Thị Minh T3. Tại phiên tòa ngày 14/9/2021, ông T đề nghị Tòa án xem xét thẩm định lại tài sản trA1h chấp để tính tăng công sức cho vợ cH2 ông. Bà Đào Thị H1 có văn bản trình bày, bà đề nghị khi giải quyết trA1h chấp, phần công sức của bà đối với khối di sản đề nghị giao cả cho ông T được nhận cùng với kỷ phần thừa kế được chia. Tại phiên tòa ngày 22/9/2021, ông T đề nghị Tòa án giải quyết tăng công sức quản lý tôn tạo khối di sản cho vợ cH2 ông để vợ cH2 ông không bị thiệt thòi và đồng ý đề xuất của ông S về việc phân chia lại khối di sản, giao cho ông được sử dụng diện tích đất chiều ngA1g mặt đường LU 15m, chiều dài tính từ giáp mặt đường đến vị trí tiếp giáp với cạnh đất nhà thờ, diện tích đo vẽ là 365,4m^2 ; ông S được quản lý sử dụng phần diện tích còn lại là 543,53m^2.

Nguyên đơn là ông Đinh Văn S đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA1 là các bà Đinh Thị X, Đinh Thị A1, A1h Vũ Trường G và bà Vũ Thị Minh H2; bà Đinh Thị X, Đinh Thị A1, bà Vũ Thị Minh H2 thống nhất trình bày: Ông và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA1 đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm và không kháng cáo. Tuy nhiên vì tình nghĩa gia đình, nay ông T yêu cầu xem xét tăng công sức quản lý di sản, ông và các bà Đinh Thị X, Đinh Thị A1, A1h Vũ Trường G đồng ý trích thêm diện tích đất cho ông T và đề nghị chia cho ông T phần diện tích đất có nhà của ông T (vị trí số (1) như bản án sơ thẩm, cộng thêm 01 phần diện tích của vị trí số (3-1) đã chia cho bà Đinh Thị A1; cụ thể chia cho ông T được hưởng 15m chiều ngA1g mặt đường LU chiều dài tính từ giáp mặt đường đến vị trí tiếp giáp với cạnh đất nhà thờ, diện tích đo vẽ là 365,4m^2 ; ông S được quản lý sử dụng phần diện tích còn lại

là 543,53m^2 gồm cả kỷ phần ông S được hưởng cộng với phần các thừa kế khác là bà X, bà A1, A1h G đã nhường lại cho ông và yêu cầu không bên nào phải thA1h toán chệnh lệch tài sản cho bên nào, tài sản trên đất giao cho ai người đó được quản lý sử dụng. Các bà Đinh Thị X, Đinh Thị A1, A1h Vũ Trường G thống nhất giao kỷ phần thừa kế mà các bà Đinh Thị X, Đinh Thị A1, A1h Vũ Trường G được hưởng cho ông Đinh Văn S được nhận và đồng ý với quA1 điểm chia thừa kế và công sức cho ông T như ông S đã nêu. Ông S và các bà Đinh Thị X, Đinh Thị A1, A1h Vũ Trường G không kháng cáo quyết định của bản án sơ thẩm về việc thA1h toán tiền cho các thừa kế của cụ Đinh Thị Tính là cH2 và con của bà Nguyễn Thị Phẩm gồm ông Nguyễn Hữu D và các A1h chị Nguyễn Quyết T1, Nguyễn Thị B, Nguyễn Tuấn Đ1 và Nguyễn Thị Minh T3 vì tình cảm nên đồng ý tặng cho mỗi người số tiền như bản án sơ thẩm đã tuyên.

A1h Nguyễn Quyết T1 trình bày: A1h và bố A1h là ông Nuyễn Hữu D, các A1h em A1h là con của bà Nguyễn Thị Phẩm đồng ý với bản án sơ thẩm và số tiền đã tuyên xử giao cho A1h được nhận thay.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã chấp hành đúng các quy định trong quá trình tiến hành tố tụng ; các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kháng cáo của bị đơn là ông Đinh Văn T là trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo hợp lệ theo quy định tại các điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền kháng cáo, đơn và thời hạn kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc định giá lại tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần yêu cầu kháng cáo.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 07/4/2021 của Tòa án nhân dân quận KA, thành phố Hải Phòng và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả trA1h luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quA1 hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án dân sự về việc: TrA1h chấp về thừa kế tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

[2] Xét thủ tục kháng cáo: Ngày 07/4/2021, bị đơn là ông Đinh Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm là trong thời hạn luật định; bị đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo hợp lệ.

[3] Về việc rút một phần kháng cáo: Bị đơn là ông Đinh Văn T có kháng cáo đề nghị xem xét định giá lại tài sản do mức giá đưa ra là quá thấp và yêu cầu phân chia lại di sản thừa kế theo H1 tăng công sức bảo quản tôn tạo khối di sản cho vợ cH2 ông. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc định giá lại tài sản nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần yêu cầu kháng cáo ông T đã rút.

- Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo bản án sơ thẩm của bị đơn, ông Đinh Văn T, nhận thấy:

[4] Bản án sơ thẩm xác định quA1 hệ huyết thống, thời điểm mở thừa kế và hàng thừa kế là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[5] Về di sản thừa kế: Bản án sơ thẩm xem xét giải quyết chia thừa kế đối với hai khối di sản thừa kế của cố Đinh Văn Ry, cố Vũ Thị Thẩm diện tích 257m^2 đất và của cụ Đinh Văn T8, cụ Phạm Thị B8 diện tích 917,83m^2 đất, trong đó chia thừa kế là 651,93m^2 đất, còn lại 265,9m^2 có nhà thờ các đương sự thống nhất không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5.1] Về nguồn gốc thửa đất hiện nay ông T đA1g quản lý, sử dụng: Các đương sự thống nhất trình bày: Diện tích đất của cụ T8 và cụ B8 tạo dựng có khoảng 240m^2 đất ở của bố, mẹ cụ T8 (là cố Đinh Văn Ry (tên thường gọi là Đinh Văn Duy, chết năm 1966 và cố Vũ Thị Thẩm, chết năm 1978) để lại cho cụ T8 quản lý sử dụng, kết quả đo vẽ thẩm định là 257m^2; và 144m^2 đất do cụ B8 và vợ cH2 ông S, bà H2 nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Bá Biên năm 1992 và nhập vào khối tài sản của gia đình. Hiện trạng diện tích đất thực tế theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ là 1.174,83m^2.

Xét diện tích đất trước đây cố Ry và cố Thẩm sử dụng, thấy: Cố Ry và cố Thẩm có hai người con là cụ Đinh Văn T8 và cụ Đinh Thị Tính. Trước đây, các cụ có một giA1 nhà, có sân, vườn, vị trí thửa đất phía Đông Bắc giáp phần đất ông Biên chuyển nhượng cho cụ B8 và vợ cH2 ông S; phía Đông Nam giáp đất của cụ T8; phía Tây Nam giáp đất ông Đinh Văn Sỹ; phía Tây Bắc giáp đất ông Hưởng và ngõ bê tông; giA1 nhà của hai cụ cố nằm cùng trên thửa đất với nhà của cụ T8, giA1 nhà của vợ cH2 cụ T8 nằm phía giáp cạnh nhà thờ hiện nay. Cố Ry, cố Thẩm và vợ cH2 cụ T8, cụ B8 sử dụng chung thửa đất, không có giA1h giới, mốc giới, không phân định thửa đất của cha, mẹ và con rõ ràng, chung vườn, không có cổng riêng. Năm 1966, cố Ry chết; năm 1978, cố Thẩm chết thì vợ cH2 cụ T8 quản lý sử dụng, đã phá dỡ nhà đi làm vườn. Cụ Tính là con gái cố Thẩm và cố Ry lúc đó cũng đã lấy cH2 ở riêng nhưng vẫn đi lại cúng giỗ, đều biết và không có ý kiến phản đối gì. Sau khi cụ T8, cụ B8 chết thì ông T quản lý, sử dụng đến nay. Các đương sự đều trình bày không ai biết C xác diện tích căn nhà, sân mà cố Thẩm sử dụng là bao nhiêu m^2, diện tích đất của cố Thẩm và cố Ry là 240m^2 hay 257m^2 là do các đương sự suy đoán, tính áng chừng. Các đương sự không đưa ra được bất kỳ tài liệu nào chứng minh diện tích thửa đất của cố Ry và cố Thẩm, hồ sơ quản lý về đất đai của C quyền địa phương cũng không có tài liệu lưu giữ thể hiện diện tích đất đứng tên cố Ry và cố Thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm dựa trên lời khai của các đương sự để tiến hành đo đạc

thẩm định và xác định diện tích đất của cố Ry và cố Thẩm là 257m^2 là không có cơ sở.

Xét thấy, trước đây thửa đất trên có giA1 nhà của cố Ry và cố Thẩm, sau khi chết được chuyển giao cho cụ T8 và cụ B8 quản lý, sử dụng thường X, liên tục, ổn định từ năm 1978 đến khi cụ T8 và cụ B8 chết, các con của cụ T8, cụ B8 tiếp tục sử dụng đến nay đã trên 30 năm. Những người thừa kế của cố Ry và cố Thẩm không ai có ý kiến thắc mắc hoặc trA1h chấp gì đối với di sản của hai cụ cố để lại. Đến nay, thời hiệu khởi kiện chia thừa kế đối với di sản của hai cụ cố cũng đã hết nên cần căn cứ Điều 623 của Bộ luật Dân sự xác nhận quyền sử dụng 257m^2 đất trên thuộc quyền sử dụng của cụ T8 và cụ B8, không còn là di sản thừa kế của cố Ry và cố Thẩm để chia cho các thừa kế của cố Ry và cố Thẩm nữa. Các ông bà là con của cụ Tính gồm: Ông Nguyễn Bá T2, ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Đức, ông Nguyễn Đình H và ông Nguyễn Đình H5 đều không xác định được C xác diện tích đất của cố Ry, cố Thẩm và nếu được chia di sản của cố Thẩm thì các ông bà đều không nhận vì đã giao cho cụ T8, cụ B8 từ lâu, nay các con cụ T8 được hưởng. CH2 và các con của bà Nguyễn Thị Phẩm (con của cụ Tính, chết năm 2010) là ông Nguyễn Hữu D và 04 người con là: A1h Nguyễn Quyết T1, chị Nguyễn Thị B, A1h Nguyễn Tuấn Đ1 và chị Nguyễn Thị Minh T3 cũng không biết rõ diện tích đất của cố Ry, cố Thẩm đến đâu, chỉ đề nghị nếu được chia thì đề nghị giải quyết theo pháp luật. Do đó, cần xác định diện tích đất của cố Thẩm, cố Ry đã được chuyển giao cho cụ T8, cụ B8 được quyền quản lý, sử dụng và nhập vào khối tài sản chung của vợ cH2 cụ T8, cụ B8 nay là thửa đất số 165, tờ bản đồ số 300591-7-2 (Bản đồ địa C đo vẽ năm 1999) tại số 86 đường LU, tổ QT3, phường PL, quận KA, thành phố Hải Phòng. Do đó, cH2 và các con của bà Phẩm đáng lẽ không được chia thừa kế đối với diện tích 257m^2 đất như bản án sơ thẩm đã tuyên xử, song sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không ai có kháng cáo đối với quyết định của bản án sơ thẩm về việc phân chia diện tích đất 257m^2 cho cụ T8, cụ Tính mỗi người được hưởng 128,5m^2 và giao cho các con của hai cụ T8 được sử dụng đất và thA1h toán tiền tưởng ứng với kỷ phần được chia cho các thừa kế của bà Phẩm.

[5.2] Tại cấp phúc thẩm, các đương sự thống nhất trình bày nội dung như trên và nêu quA1 điểm do đây là đất hương hỏa của ông bà, bố mẹ để lại nên cấp sơ thẩm đã giải quyết xét xử về việc các ông bà Đinh Văn S, bà Đinh Thị X, Đinh Thị A1, Đinh Văn T và A1h Vũ Trường G thA1h toán tiền cho cH2 và con của bà Phẩm về tình cảm vẫn đồng ý và không kháng cáo nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự. Ông Đinh Văn S, bà Đinh Thị X, bà Đinh Thị A1 và A1h Vũ Trường G thống nhất đề nghị ông Đinh Văn S thA1h toán số tiền cho ông Nguyễn Hữu D, A1h Nguyễn Quyết T1, chị Nguyễn Thị B, A1h Nguyễn Tuấn Đ1, chị Nguyễn Thị Minh T3 tổng là 119.840.000 đồng, chia cụ thể: Ông Đinh Văn S phải thA1h toán cho mỗi người 23.968.000 đồng. Ông Đinh Văn T thA1h toán cho ông Nguyễn Hữu D, A1h Nguyễn Quyết T1, chị Nguyễn Thị B, A1h Nguyễn Tuấn Đ1, chị Nguyễn Thị Minh T3 số tiền 29.960.000 đồng, chia cụ thể: Ông Đinh Văn T phải thA1h toán cho mỗi người 5.992.000 đồng. Số tiền ông S và ông T thA1h toán cho chị Nguyễn Thị B do ông Nguyễn Hữu D nhận thay, ông Nguyễn Hữu D có trách nhiệm thA1h toán lại cho chị Nguyễn Thị B khi chị B

có yêu cầu, nếu hai bên không tự thực hiện được, chị B có quyền khởi kiện ông D yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về di sản thừa kế của cụ Đinh Văn T8 và cụ Phạm Thị B8: Căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ thu thập được thể hiện: Di sản của vợ cH2 cụ T8 và cụ B8 gồm nhà cấp 4, sân, bếp và diện tích đất hiện do ông Đinh Văn T quản lý, sử dụng bao gồm phần diện tích đất do cụ T8, cụ B8 tạo dựng, diện tích đất cụ B8 cùng vợ cH2 ông S nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Bá Biên và diện tích đất của cố Ry, cố Thẩm để lại như đã nhận định ở trên đã được chuyển giao cho cụ T8, cụ B8 theo hiện trạng là 1.174,83m^2 tại thửa đất số 165 tờ bản đồ 300591-7-2 địa chỉ: Số 86 đường LU, tổ QT3, phường PL, quận KA, thành phố Hải Phòng (Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 643/CNSH cấp ngày 16/12/1992 của UBND thị xã KA nay là quận KA, thành phố Hải Phòng đứng tên ông Đinh Văn S).

Các đương sự đều thống nhất không yêu cầu giải quyết di sản là nhà cấp 4, sân, bếp trên diện tích 265,9m^2 đất có nhà thờ; chỉ yêu cầu giải quyết phân chia đối với diện tích 908,93m^2 đất phía mặt đường LU bao gồm phần đất ông T đã làm nhà ở và phần đất còn lại gồm vườn, ao và nhà trọ cho các thừa kế của cụ T8 và cụ B8 gồm có: Ông Đinh Văn S, bà Đinh Thị A1, bà Đinh Thị X, ông Đinh Văn T, A1h Vũ Trường G.

Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu chia diện tích đất nông nghiệp 288m^2 tại ngõ 92 đường LU, 168m^2 tại ngõ 88 đường LU (khu xóm Bắc), 48m^2 tại khu Cửa Đá và 265,9m^2 đất có nhà thờ và các đương sự khác đồng ý. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn nhưng chỉ quyết định đình chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia thừa kế đối với đất nông nghiệp nhưng không đình chỉ xét xử đối với diện tích 265,9m^2 đất có nhà thờ là có thiếu sót nên cần sửa bản án sơ thẩm cho đúng. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút. Do đình chỉ giải quyết chia thừa kế đối với các diện tích đất nguyên đơn đã rút nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[7] Về việc phân chia di sản thừa kế:

[7.1] Hội đồng định giá trong tố tụng dân sự quận KA đã tiến hành định giá tại biên bản định giá ngày 14/8/2020 kết luận trị giá tài sản trA1h chấp trong đó quyền sử dụng đất có giá trị là 12.000.000đ/m^2 và các tài sản, vật kiến trúc, cây cối trên đất là 257.334.000 đồng. Tại cấp phúc thẩm, ông T và các đương sự khác đồng ý thỏa thuận với ý kiến của ông T về việc giải quyết tài sản trên đất là: Nếu phân chia diện tích đất cho ai quản lý sử dụng phần đất có công trình, vật kiến trúc, cây cối trên đó thì giao cho người đó được sở hữu, quản lý, sử dụng, không bên nào phải thA1h toán cho bên nào nên cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

[7.2] Hàng thừa kế thứ nhất của cụ T8 và cụ B8 gồm các ông bà: Đinh Văn S, Đinh Thị Hà (chết năm 2011), Đinh Thị X, Đinh Thị A1 và Đinh Văn T. Bà Đinh Thị Hà chết năm 2011, có cH2 là Vũ Minh Thông chết năm 2002, có một người con là Vũ Trường G nên A1h G là người được hưởng thay kỷ phần thừa kế của bà

Đinh Thị Hà. Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đánh giá khối di sản thừa kế của cụ T8 và cụ B8 được chia thành 05 thừa kế và 01 kỷ phần để trích trả công sức bảo quản tôn tạo di sản thừa kế theo quy định tại Điều 618 của Bộ luật Dân sự cho vợ cH2 ông T, bà H1. Ông T kháng cáo yêu cầu tính tăng công sức và trích trả bằng hiện vật là quyền sử dụng đất để các bên phải thA1h toán bằng tiền cho nhau. Bà H1 có đơn đề nghị đối với phần công sức quản lý tôn tạo đề nghị Tòa án giao cho ông T nhận cùng với kỷ phần thừa kế, bà không có yêu cầu gì nên cần chấp nhận sự tự nguyện của bà H1 và ông T.

[7.3] Xét thấy diện tích đất rộng, có thể trích trả công sức bằng đất, ông Đinh Văn S là nguyên đơn đồng thời là đại diện theo ủy quyền của các bà Đinh Thị X, Đinh Thị A1 và A1h Vũ Trường G đồng ý tăng phần công sức cho vợ cH2 ông T, bà H1 và đề nghị tính cả kỷ phần thừa kế chia cho ông T và phần công sức, giao cho ông T được quyền quản lý, sử dụng là 15m chiều ngA1g mặt đường LU, chiều dài từ vị trí giáp mặt đường đến giáp đất khu vực nhà thờ và giao phần diện tích đất hiện đA1g có căn nhà mà vợ cH2 ông T, bà H1 đã xây dựng; phần diện tích đất còn lại giao cho ông S quản lý sử dụng bao gồm cả kỷ phần thừa kế của ông S được nhận và kỷ phần của bà X, bà A1, A1h G nhường cho ông S; không bên nào phải thA1h toán cho bên nào. Ông T, bà X, bà A1 có mặt tại phiên tòa thống nhất thỏa thuận với ý kiến ông S đã nêu.

[8] Xét thỏa thuận của các đương sự về việc phân chia di sản thừa kế không trái với pháp luật, không trái đạo đức xã hội cần chấp nhận nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự, cụ thể như sau:

[8.1] Chia di sản thừa kế của cụ T8 và của cụ B8 gồm diện tích 908,93m^2 đất tại thửa số 271 tờ bản đồ số 01 (Bản đồ địa C cũ) nay là thửa số 165 tờ bản đồ số 300591-7-2 (Hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 18/10/1999), địa chỉ: Số 86 đường LU, tổ QT3, phường PL, quận KA thành phố Hải Phòng cho 05 người con của hai cụ gồm các ông bà: Đinh Văn S, Đinh Thị X, Đinh Thị A1, Đinh Văn T và A1h Vũ Trường G (là người được hưởng thừa kế thay bà Đinh Thị Hà). Bà Đinh Thị X, bà Đinh Thị A1 và A1h Vũ Trường G thống nhất thỏa thuận nhường kỷ phần thừa kế được hưởng và đề nghị giao cho ông Đinh Văn S quản lý, sử dụng; ông Đinh Văn S có trách nhiệm thA1h toán chênh lệch hoặc thực hiện nghĩa vụ tài C với các đương sự khác, với cơ quA1 nhà nước (nếu có) thay cho bà Đinh Thị X, bà Đinh Thị A1 và A1h Vũ Trường G.

[8.2] Cụ thể, chia di sản thừa kế của cụ T8 và cụ B8 như sau:

- Chia cho ông Đinh Văn T được hưởng kỷ phần thừa kế và công sức quản lý, tôn tạo khối di sản thừa kế bằng quyền quản lý, sử dụng phần đất có kích thước chiều ngA1g 15m, chiều dọc tính từ phần đất giáp đường LU đến phần đất có nhà thờ, diện tích là 365,4m^2, có vị trí H1 Đông Bắc giáp đường LU, H1 Đông Nam giáp ngõ đi chung, H1 Tây Nam giáp đất nhà thờ, H1 Tây Bắc giáp đất chia cho ông Đinh Văn S; mốc giới được xác định bởi các điểm: 2, 3, 4, 5", 2 (số 1);

- Chia cho ông Đinh Văn S được quyền quản lý, sử dụng diện tích 543,53m^2 đất, có vị trí H1 Đông Bắc giáp đường LU, H1 Đông Nam giáp đất chia cho ông

Đinh Văn T (số 1), H1 Tây Nam giáp đất nhà thờ và đất nhà ông Đinh Văn Sỹ, H1 Tây Bắc giáp ngõ bê tông và phần đất nhà ông Nguyễn Văn Hưởng; mốc giới được xác định bởi các điểm: 1, 2, 5", 11, 12, 13, 14, 15, 16, 1 (số 3);

(Có sơ đồ đo vẽ kèm theo)

- Các tài sản, công trình kiến trúc và cây trồng trên phần đất được chia cho ai thì người đó được quyền sở hữu, sử dụng, không bên nào phải thA1h toán tiền cho bên nào.

- Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quA1 nhà nước có thẩm quyền để làm các thủ tục đăng ký kê khai, C lý hồ sơ địa C và đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Ông Đinh Văn S đA1g giữ bản C Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có trách nhiệm giao nộp cho cơ quA1 nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các trình tự, thủ tục cấp đổi, điều chỉnh biến động thửa đất theo quy định của pháp luật.

[9] Từ phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 07/4/2021 của Tòa án nhân dân quận KA, thành phố Hải Phòng và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo H1 nêu trên.

- Về án phí:

[10] Về án phí sơ thẩm: Do phân chia lại di sản thừa kế nên án phí sơ thẩm được tính lại theo quy định của pháp luật.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ bA1 thường vụ Quốc Hội: Ông Đinh Văn T được chia thừa kế 365,4m^2 đất, trị giá: 365,4m^2 x 12.000.000đ/m^2 = 4.384.800.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm phải chịu là 112.384.000 đồng; ông Đinh Văn S sinh năm 1957 là người cao tuổi và là thương binh nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần và sửa bản án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại cho bị đơn số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 244, điểm c khoản 1 Điều 289, Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ bA1 thường vụ Quốc Hội bA1 hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đinh Văn T; sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 07/4/2021 của Tòa án nhân dân quận KA, thành phố Hải Phòng.

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn S đối với ông Đinh Văn T về yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích 265,9m^2 đất trên có nhà thờ và các tài sản trên đất thuộc khuôn viên thửa đất có nhà thờ (vị trí số 2) và diện tích đất nông nghiệp 288m^2 tại ngõ 92 đường LU, 168m^2 tại ngõ 88 đường LU (khu xóm Bắc) và 48m^2 tại khu Cửa Đá.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Văn T về việc yêu cầu định giá lại tài sản trA1h chấp.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn S với ông Đinh Văn T về việc chia thừa kế đối với di sản thừa kế của cụ Đinh Văn T8 và cụ Phạm Thị B8 gồm 908,93m^2 đất tại thửa số 271 tờ bản đồ số 01 (Bản đồ địa C cũ) nay là thửa số 165 tờ bản đồ số 300591-7-2 (Hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 18/10/1999), địa chỉ: Số 86 đường LU, tổ QT3, phường PL, quận KA thành phố Hải Phòng.

4. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc phân chia di sản thừa kế của cụ Đinh Văn T8 và cụ Phạm Thị B8, cụ thể như sau:

4.1. Chia cho ông Đinh Văn T được quyền quản lý, sử dụng diện tích 365,4m^2 đất, có vị trí H1 Đông Bắc giáp đường LU, H1 Đông Nam giáp ngõ đi chung, H1 Tây Nam giáp đất nhà thờ (**số 2**), H1 Tây Bắc giáp đất chia cho ông Đinh Văn S; mốc giới được xác định bởi các điểm: 2, 3, 4, 5', 2 (**số 1**);

4.2. Chia cho ông Đinh Văn S được quyền quản lý, sử dụng diện tích 543,53m^2 đất, có vị trí H1 Đông Bắc giáp đường LU, H1 Đông Nam giáp đất chia cho ông Đinh Văn T (số 1), H1 Tây Nam giáp đất nhà thờ (số 2) và đất nhà ông Đinh Văn Sỹ, H1 Tây Bắc giáp ngõ bê tông và phần đất nhà ông Nguyễn Văn Hưởng; mốc giới được xác định bởi các điểm: 1, 2, 5', 11, 12, 13, 14, 15, 16, 1 (**số 3**);

(Có sơ đồ đo vẽ kèm theo)

4.3. Các tài sản, công trình kiến trúc và cây trồng trên phần đất được chia cho ai thì người đó được quyền sở hữu, sử dụng, không bên nào phải thA1h toán tiền cho bên nào.

4.4. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quA1 nhà nước có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục đăng ký kê khai, C lý hồ sơ địa C đối với diện tích đất được chia và đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Ông Đinh Văn S là người đA1g quản lý bản C Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 643/CNSH do UBND thị xã KA cấp ngày 16/12/1992 đứng tên ông Đinh Văn S có trách nhiệm giao nộp cho cơ quA1 nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các trình tự, thủ tục điều chỉnh biến động và cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất theo quy định của pháp luật.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đinh Văn S về việc thA1h toán cho ông Nguyễn Hữu D, A1h Nguyễn Quyết T1, chị Nguyễn Thị B, A1h Nguyễn Tuấn Đ1,

chị Nguyễn Thị Minh T3, mỗi người số tiền 23.968.000 (Hai mươi ba triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn) đồng và ông Đinh Văn T thA1h toán cho ông Nguyễn Hữu D, A1h Nguyễn Quyết T1, chị Nguyễn Thị B, A1h Nguyễn Tuấn Đ1, chị Nguyễn Thị Minh T3, mỗi người số tiền 5.992.000 (Năm triệu chín trăm chín mươi hai nghìn) đồng. Số tiền ông Đinh Văn S và ông Đinh Văn T thA1h toán cho chị Nguyễn Thị B do ông Nguyễn Hữu D nhận thay, ông Nguyễn Hữu D có trách nhiệm thA1h toán lại cho chị Nguyễn Thị B khi chị B có yêu cầu; nếu hai bên không tự thực hiện được, chị B có quyền khởi kiện ông D yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quA1 thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí:

6.1. Về án phí sơ thẩm:

- Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đinh Văn S;

- Ông Đinh Văn T phải chịu 112.384.000 (Một trăm mười hai triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6.2. Về án phí phúc thẩm: Ông Đinh Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả ông T số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận KA, thành phố Hải Phòng theo biên lai thu tiền số 0015236 ngày 07/4/2021.

7. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

8. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP.Hải Phòng;
- TA1D quận KA;
- Chi cục THADS quận KA;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Vân Thúy